

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HS-ST

Ngày 06 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024,

Đối với bị cáo: **Phạm Thị H**, sinh năm 1988 tại: thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N; Có chồng là Trịnh Duy K và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/9/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, chưa chấp hành xong hình phạt. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Lê Thị H1, sinh năm 1989, địa chỉ: Khu phố X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T nhận được đơn tố giác của chị Lê Thị H1 (sinh năm 1989, trú tại khu phố X, thị trấn S, huyện T) kèm theo các tài liệu về việc cho vay lãi nặng của Phạm Thị H (sinh năm 1988, trú tại khu phố T, thị trấn S, huyện T). Ngày 28/10/2023, Phạm Thị H đã đến Công an huyện T đầu thú, khai nhận hành vi cho chị Lê Thị H1 vay tiền với lãi suất cao. Cụ thể:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 15/3/2022, do cần tiền để kinh doanh nên chị H1 đến nhà Phạm Thị H hỏi vay số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cắt lãi trước 10 ngày là 6.000.000 đồng. H dùng tài khoản Ngân hàng Q (M) số 0770156728888 của H chuyển số tiền 193.800.000.000 đồng (đã trừ 6.000.000 đồng tiền cắt lãi và 200.000 đồng tiền phí chuyển khoản) đến tài khoản Ngân hàng M số 0947865388 của chị H1. Chị H1 đã trả lãi cho H hai lần mỗi lần 6.000.000 đồng. Ngày 12/4/2022, H cộng dồn tiền gốc của khoản vay này vào khoản vay khác.

Đối với khoản vay này, tiền lãi theo thỏa thuận trong 27 ngày (từ ngày 15/3/2022 đến ngày 11/4/2022) là 18.000.000 đồng (121,6%/năm), tiền lãi theo quy định được phép thu là 2.958.904 đồng, thu lời bất chính là 15.041.096 đồng. Số tiền lãi thực tế chị H1 đã trả là 18.000.000 đồng.

Khoản vay thứ hai: Ngày 02/4/2022, chị H1 đến nhà H hỏi vay thêm số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, cắt lãi trước 10 ngày là 6.000.000 đồng. H đưa cho H1 194.000.000 đồng tiền mặt.

Đối với khoản vay này, tiền lãi theo thỏa thuận trong 09 ngày (từ ngày 02/4/2022 đến ngày 11/4/2022) là 6.000.000 đồng (121,6%/năm), tiền lãi theo quy định được phép thu là 986.301 đồng, thu lời bất chính là 5.013.699 đồng. Số tiền lãi thực tế chị H1 đã trả là 6.000.000 đồng.

Khoản vay thứ ba: Đến ngày 12/4/2022, H cộng dồn tiền gốc của khoản vay ngày 15/3/2022 vào khoản vay ngày 02/4/2022, tổng là 400.000.000 đồng và yêu cầu chị H1 cứ 10 ngày trả lãi một lần là 12.000.000 đồng. Chị H1 đã trả cho H 23 lần, tổng số tiền mỗi lần 12.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả là 276.000.000 đồng. Đến ngày 03/12/2022, chị H1 đến nhà trả 400.000.000 đồng tiền gốc cho H.

Đối với khoản vay này, tiền lãi theo thỏa thuận trong 235 ngày (từ ngày 12/4/2022 đến ngày 03/12/2022) là 282.000.000 đồng, tuy nhiên chị H1 chỉ trả được 276.000.000 đồng và H không lấy thêm nữa (107,17%/năm), tiền lãi theo quy định được phép thu là 51.506.849 đồng, thu lời bất chính là 224.493.151 đồng. Số tiền lãi thực tế chị H1 đã trả là 276.000.000 đồng.

Đối với khoản vay thứ nhất và thứ hai, chị H1 và H đã thỏa thuận kết thúc khoản vay, thanh toán tiền lãi và cộng dồn thành khoản vay thứ ba. Thời điểm bị phát hiện hành vi phạm tội, hai khoản vay trước số tiền thu lợi bất chính không cấu thành tội phạm, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, không cộng dồn số tiền thu lợi bất chính khoản vay thứ

nhất và thứ hai vào khoản vay thứ ba.

Về phần dân sự: Phạm Thị H đã tự nguyện trả lại cho chị H1 số tiền 100.000.000 đồng. Chị H1 có ý kiến yêu cầu bị cáo H phải hoàn trả lại số tiền lãi vượt quá quy định.

Đối với các đồ vật, tài liệu đã thu giữ tại nhà Phạm Thị H gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Promax, bên trong lắp sim số thuê bao 0964.462.889; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia TA-1375, bên trong lắp sim số thuê bao 0967.701.428; 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo V2043, bên trong lắp sim số thuê bao 0355.960.937. Quá trình điều tra, xác định không có liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho Phạm Thị H.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKSTX ngày 18/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Thị H thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị H từ 04 tháng đến 05 tháng tù; Không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Phạm Thị H.

- Về biện pháp tư pháp:

- + Truy thu từ bị cáo Phạm Thị H số tiền gốc là công cụ phương tiện bị cáo đã sử dụng phạm tội, sung ngân sách nhà nước là 400.000.000 đồng; Truy thu của bị cáo Phạm Thị H số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 51.506.849 đồng. Tổng số tiền truy thu từ bị cáo Phạm Thị H là 451.506.849 đồng.

- + Buộc bị cáo Phạm Thị H có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền lãi vượt quá quy định đã thu lời bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H1 124.493.151 đồng.

- Về án phí: buộc bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận; Lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và có ý kiến xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Thị H tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai người làm chứng; kết quả sao kê tài khoản ngân hàng; Dữ liệu tin nhắn; biên bản khám xét; vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ ngày 12/4/2022 đến ngày 03/12/2022, Phạm Thị H đã cho chị Lê Thị H1 vay số tiền 400.000.000 đồng, với mức lãi suất đã thu là 107,17%, cao gấp 5,358 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định. Số tiền lãi đã thu là 276.000.000 đồng; số tiền lãi cao nhất theo quy định được phép thu là 51.506.849 đồng; số tiền thu lời bất chính là 224.493.151 đồng.

Bị cáo Phạm Thị H có năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội là do cố ý, thu lợi bất chính với số tiền 224.493.151 đồng (là trên 100.000.000 đồng). Do đó, hành vi của bị cáo Phạm Thị H đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Phạm Thị H nhận thức được rằng việc cho người khác vay tiền với mức lãi suất cao (trên 100%/năm) là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì mục đích lợi nhuận bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, tài chính của Nhà nước. Do vậy, cần phải xử lý vụ án nghiêm minh nhằm cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về nhân thân: Ngày 25/9/2023 Phạm Thị H bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt. Tuy nhiên, do hành vi phạm tội của bị cáo H trong vụ án này xảy ra trước thời điểm bị cáo H bị kết án, nên không bị coi là tiền án.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Thị H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Thị H đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội khi đang mang thai, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã ra đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội; có bố đẻ là người có công với cách mạng, tham gia kháng chiến được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương (bố đẻ bị cáo hiện đang

được hưởng chế độ thương bệnh binh, thương tật 65%); đã tự nguyện trả lại một phần số tiền lãi vượt quá quy định cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H1 và được chị H1 có ý kiến đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo H còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy:

Ngày 25/9/2023 bị cáo Phạm Thị H đã bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân kết án về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, mặc dù không bị coi là tiền án. Tuy nhiên xét, việc bị cáo bị đưa ra xét xử lần này trong 01 vụ án khác về cùng tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là do bị cáo đã không thành khẩn khai báo về hành vi trước đó, ngày 12/4/2022 bị cáo đã cho chị Lê Thị H1 vay lãi nặng theo lãi suất 107,17%/năm, nên không được xử lý trong cùng vụ án trước. Vì vậy, ở vụ án này cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù nghiêm minh, bắt cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy, chỉ cần xử phạt bị cáo ở mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Bị cáo đang được tại ngoại, nên thời hạn tù đối với bị cáo sẽ được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo bị xử phạt tù, điều kiện hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, lại đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp:

[8.1] Đối với số tiền gốc, bị cáo Phạm Thị H đã sử dụng cho vay lãi cao, nhằm hưởng lợi bất chính. Đây là công cụ phương tiện phạm tội, nên cần phải truy thu sung vào ngân sách nhà nước. Cụ thể: Số tiền bị cáo H sử dụng cho Lê Thị H1 vay là 400.000.000 đồng. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Người vay là chị Lê Thị H1 đã trả số tiền 400.000.000 đồng cho bị cáo H. Như vậy cần phải truy thu từ bị cáo H là 400.000.000 đồng.

[8.2] Đối với khoản tiền lãi bị cáo Phạm Thị H thu vượt quá mức lãi suất tối đa 20%/1 năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, mà bị cáo đã thu thực tế của chị Lê Thị H1, đây là tiền bị cáo thu lãi suất trái pháp luật của người vay, nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay, cụ thể: Số tiền lãi chị H1 thực tế đã trả 276.000.000 đồng; Số tiền lãi theo quy định chị H1 phải trả là 51.506.849 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả lại cho chị H1 số tiền lãi vượt quá quy định là 276.000.000 đồng - 51.506.849 đồng = 224.493.151 đồng. Tuy nhiên, xét, bị cáo H đã trả lại cho chị H1 được 100.000.000 đồng. Như vậy, số tiền bị cáo H còn phải trả lại cho chị H1 là 124.493.151 đồng.

[8.3] Đối với số tiền lãi bị cáo Phạm Thị H thu từ người vay tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định (20%/năm), cụ thể: Thu của chị H1 51.506.849

đồng, đây là tiền bị cáo hưởng lợi do phạm tội mà có, cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8.4] Như vậy, tổng số tiền cần truy thu từ bị cáo Phạm Thị H là 451.506.849 đồng, trong đó: Tiền gốc 400.000.000 đồng; tiền hưởng lợi do phạm tội mà có 51.506.849 đồng.

[9] Về tình tiết liên quan vụ án:

Đối với khoản vay thứ nhất và khoản vay thứ hai, chị H1 và H đã thỏa thuận kết thúc khoản vay, thanh toán tiền lãi và cộng dồn thành khoản vay thứ ba. Thời điểm bị phát hiện hành vi phạm tội ngày 25/10/2023, hai khoản vay trên đã kết thúc từ tháng 4/2022, số tiền thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng, nên hành vi trên của Phạm Thị H không cấu thành tội phạm. Do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, nên không xử lý vi phạm hành chính, là phù hợp.

Đối với các đồ vật, tài liệu đã thu giữ tại nhà Phạm Thị H, gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Promax, bên trong lắp sim số thuê bao 0964.462.889; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia TA-1375, bên trong lắp sim số thuê bao 0967.701.428; 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo V2043, bên trong lắp sim số thuê bao 0355.960.937. Do không có liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho Phạm Thị H, là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293, khoản 1, 4 Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”,

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 04 (bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu của bị cáo Phạm Thị H số tiền 451.506.849 đồng (bao gồm: Tiền gốc 400.000.000 đồng; tiền hưởng lợi do phạm tội mà có 51.506.849 đồng), sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Phạm Thị H phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định cho: Chị Lê Thị H1 số tiền 124.493.151 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tiến